

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1992.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn U, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyền Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị Đ và anh Hoàng Văn U.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Hoàng Thị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Yến Nh, sinh ngày 18/9/2013 và cháu Hoàng Thanh T, sinh ngày 01/3/2015. Anh Hoàng Văn U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/02 cháu (mỗi cháu là 500.000đ). Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, vào ngày 30 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nh và cháu T đủ 18 tuổi. Anh U có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

" Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Đ nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Hoàng Thị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án N^o 0005960 ngày 20/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, nay khấu trừ 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trả lại cho chị Hoàng Thị Đ số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) do nộp tạm ứng án phí còn lại.

Anh Hoàng Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Lương Thị Huệ

